TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 22 - 8 - 2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Hùng

2. Ông Trần Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam *tham gia phiên tòa:* Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng A.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trình Kiện T - Giám đốc Ngân hàng A - CN Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trình Kiện T tham gia tố tụng: ông Trần Huy H - Chuyên viên phụ trách xử lý nợ (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021; Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 101/QĐ-BIDV.NT ngày 01/4/2023).

Địa chỉ: Số 138 đường 21/8, phường PM, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: bà Lê Thị H, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn LS, xã CN, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) với bà Lê Thị H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số Z612/HĐ ngày 19/9/2011, số tiền vay 30.000.000 đồng *(bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)*, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 20%/năm (tại thời điểm vay), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn trả nợ hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng là 1.200.000 đồng (trả gốc và lãi) bắt đầu trả từ tháng 10/2011. Tính đến nay, bà H đã trả được 9.447.100 đồng tiền nợ gốc và 4.952.900 đồng tiền nợ lãi. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị H phải trả cho Ngân hàng A nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/8/2024, tổng số tiền là 61.918.165 đồng *(bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, chín trăm mười tám nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng)*, trong đó gồm: dư nợ gốc là 20.552.900 đồng; nợ lãi trong hạn là 30.831.039 đồng; nợ lãi quá hạn là 10.534.226 đồng. Buộc bà Lê Thị H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 23/8/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu bà Lê Thị H trả khoản nợ gốc và lãi đã vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bị đơn bà H có địa chỉ tại thôn Lạc Sơn 1, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

tố tụng Dân sự, đây là vụ án dân sự về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện về hợp đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xét đến thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà H trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số Z612/HĐ ngày 19/9/2011.

[2.1.1] Xét về nội dung và hình thức, thẩm quyền ký kết Hợp đồng tín dụng số Z612/HĐ ngày 19/9/2011 giữa Ngân hàng với bà H là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản, có chữ ký các bên, có hình thức và nội dung phù hợp quy định tại Điều 100, Điều 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa các bên do nguyên đơn đưa ra và và bị đơn không có ý kiến phản đối nên là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vì vậy, đủ cơ sở xác định: Ngày 19/9/2011, bà Lê Thị H có vay của Ngân hàng A và được giải ngân số tiền 30.000.000 đồng *(bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)*, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 20%/năm (tại thời điểm vay), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn trả nợ hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng là 1.200.000 đồng (trả gốc và lãi) bắt đầu trả từ tháng 10/2011. Tính đến nay, bà H đã trả được 9.447.100 đồng nợ gốc và 4.952.900 đồng nợ lãi.

[2.1.2] Đến hạn trả nợ bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 5 và Điều 7 của hợp đồng tín dụng và Ngân hàng đã chuyển khoản nợ này sang nợ quá hạn kể từ ngày 21/10/2013. Tính đến ngày 22/8/2024, bà H còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 61.918.165 đồng *(bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, chín trăm mười tám nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng)*, trong đó gồm: dư nợ gốc là 20.552.900 đồng; nợ lãi trong hạn là 30.831.039 đồng; nợ lãi quá hạn là 10.534.226 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số Z612/HĐ ngày 19/9/2011.

[2.1.3] Quá trình giải quyết vụ án thì bà Lê Thị H đã bỏ đi khỏi địa chỉ thôn Lạc Sơn 1, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận; địa pH không biết bà H ở đâu. Nguyên đơn xác nhận bà H không thông báo địa chỉ mới hiện nay cho nguyên đơn biết. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, được coi là bị đơn bà H cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Bị đơn bà H vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 92 Bộ

luật tố tụng Dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.1.4] Ngân hàng yêu cầu bà H phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 23/8/2024 trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là đúng quy định tại Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền là 3.095.908 đồng (cách tính: 61.918.165 đồng x 5%), đối với khoản nghĩa vụ phải thực hiện. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

1. Buộc bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A tổng số tiền là 61.918.165 đồng *(bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, chín trăm mười tám nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng),* trong đó gồm: dư nợ gốc là 20.552.900 đồng; nợ lãi trong hạn là 30.831.039 đồng và lãi quá hạn là 10.534.226 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số Z612/HĐ ngày 19/9/2011.

Kể từ ngày 23/8/2024, bà Lê Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải thanh toán cho ngân hàng

vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay).

2. Về án phí:

- Buộc bà Lê Thị H phải chịu 3.095.908 đồng *(bằng chữ: Ba triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm lẽ tám đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng A 1.550.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002402 ngày 20/5/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Não Thiên Minh Trí **Phạm Ngọc Hùng** **Nguyễn Quốc Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Thị Liên Trịnh Thị Hồng Cúc	Nguyễn Quốc Tâm